UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/TB-HM

Đăk Nia , ngày 26 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc nhận chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND; chế độ hỗ trợ ăn trưa Nghị định số 105/2020/NĐ-CP

Kính gửi:

- Giáo viên chủ nhiệm các lớp
- Phụ huynh học sinh trường Mầm non Họa Mi

Trường Mầm non Họa Mi kính mời các ông/bà là cha mẹ (hoặc người giám hộ đối với trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ) trẻ em thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ học tập tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND; chế độ hỗ trợ ăn trưa quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP học kỳ 1, năm học 2024-2025.

(Có danh sách kèm theo)

- Địa điểm nhận hỗ trợ: Trường Mầm non Họa Mi, Bon Bu Sóp- Xã Đăk Nia- Thành phố Gia Nghĩa- Đăk Nông.

- Thời gian: Bắt đầu từ ngày 27/11/2024 (Trừ Thứ 7, Chủ nhật và nghỉ lễ)

+ Buổi sáng: Từ 08 giờ 00 phút đến 10 giờ 00 phút

+ Buổi chiều: Từ 14 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút.

Khi đi, đề nghị phụ huynh mang theo CMND/CCCD để đối chiếu nhận chế độ theo quy định.

Đề nghị giáo viên chủ nhiệm các lớp thông báo phụ huynh đến nhận đúng thời gian, địa điểm như trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI

Lê Thị Lan

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ

Học kỳ I, năm học 2024-2025

(Kèm theo Thông báo số 08/TB-HM ngày 26/11/2024 của trường Mầm non Hoạ Mi)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Lớp	Giới tính	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ	Đối tượng	Họ và tên cha	Họ và tên mẹ	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
I	**Chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo**												**6.600.000**	
1	H' Ngọc Quế	29/08/2021	Mầm 2	Nữ	Mạ	Con	Bon Bu Sóp- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Dương	H' Duyên	150.000	4	600.000	
2	K' Anh Dũng	17/11/2020	Chồi 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đơm- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Hùng	H' Ler	150.000	4	600.000	
3	Chí Gia Khiêm	27/10/2020	Chồi 4	Nam	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ nghèo	Chí Văn Đạo	Vương Thị Nguyệt	150.000	4	600.000	
4	Đinh Thị Chị	11/01/2021	Chồi 5	Nữ	Kinh	Cháu	Bon Phi Mur- Quảng Khê	Ở thôn đặc biệt khó khăn		Đinh Thị Khâm	150.000	4	600.000	
5	Nguyễn Xuân Phát	06/05/2019	Lá 1	Nam	Kinh	Con	Bon R'Bút- Quảng Sơn	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Xuân An	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	150.000	4	600.000	
6	Nguyễn Hữu Phát	06/09/2019	Lá 1	Nam	Kinh	Cháu	Bon Ting Wêl Đăng- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Nhật Minh	Trần Thị Cẩm Tiên	150.000	4	600.000	
7	Nguyễn Thiên Phước	02/04/2019	Lá 3	Nam	Kinh	Con	Bon Phi Mur- Quảng Khê	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Văn Hào	Nguyễn Thị Khuyên	150.000	4	600.000	
8	H' Hiềng	09/05/2019	Lá 4	Nữ	M' Nông	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ nghèo	Y Minh	H' Ngel	150.000	4	600.000	
9	Bế K Nghĩa	08/04/2019	Lá 4	Nam	Tày	Cháu	Thôn 4- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Bế Văn Dũng	H' Vân	150.000	4	600.000	
10	Đoàn Minh Đạt	25/10/2019	Lá 4	Nam	Kinh	Con	Thôn 5- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Đoàn Chung Thuỷ	Trần Thị Ngọc Hạnh	150.000	4	600.000	
11	K' Nghiêm	26/05/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ nghèo		H' Loan	150.000	4	600.000	
II	**Chế độ miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo**												**720.000**	
1	H' Ngọc Quế	29/08/2021	Mầm 2	Nữ	Mạ	Con	Bon Bu Sóp- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Dương	H' Duyên	30.000	4	120.000	
2	K' Anh Dũng	17/11/2020	Chồi 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đơm- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Hùng	H' Ler	30.000	4	120.000	

3	Chí Gia Khiêm	27/10/2020	Chồi 4	Nam	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ nghèo	Chí Văn Đạo	Vương Thị Nguyệt	30.000	4	120.000	
4	K' Nghiêm	26/05/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ nghèo		H' Loan	30.000	4	120.000	
5	K' Viện	13/01/2020	Chồi 2	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đơm- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Ndai	H' Hang	15.000	4	60.000	
6	Hạng A Quốc Cường	18/03/2021	Chồi 4	Nam	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	15.000	4	60.000	
7	Phan Thị Thanh Trúc	03/03/2020	Chồi 4	Nữ	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	Phan Văn Tuấn Anh	Lưu Thị Thơ	15.000	4	60.000	
8	K' Toại	28/04/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Minh	H Nir	15.000	4	60.000	
III	**Chế độ hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục Mầm non**												**11.520.000**	
1	H' Ngọc Quế	29/08/2021	Mầm 2	Nữ	Mạ	Con	Bon Bu Sóp- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Dương	H' Duyên	160.000	4	640.000	
2	K' Viện	13/01/2020	Chồi 2	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đơm- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Ndai	H' Hang	160.000	4	640.000	
3	K' Anh Dũng	17/11/2020	Chồi 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đơm- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Hùng	H' Ler	160.000	4	640.000	
4	Hạng A Quốc Cường	18/03/2021	Chồi 4	Nam	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	160.000	4	640.000	
5	Chí Gia Khiêm	27/10/2020	Chồi 4	Nam	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ nghèo	Chí Văn Đạo	Vương Thị Nguyệt	160.000	4	640.000	
6	Phan Thị Thanh Trúc	03/03/2020	Chồi 4	Nữ	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	Phan Văn Tuấn Anh	Lưu Thị Thơ	160.000	4	640.000	
7	Đinh Thị Chị	11/01/2021	Chồi 5	Nữ	Kinh	Cháu	Bon Phi Mur- Quảng Khê	Ở thôn đặc biệt khó khăn		Đinh Thị Khâm	160.000	4	640.000	
8	Nguyễn Xuân Phát	06/05/2019	Lá 1	Nam	Kinh	Con	Bon R'Bút- Quảng Sơn	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Xuân An	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	160.000	4	640.000	
9	Nguyễn Hữu Phát	06/09/2019	Lá 1	Nam	Kinh	Cháu	Bon Ting Wêl Đăng- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Nhật Minh	Trần Thị Cẩm Tiên	160.000	4	640.000	
10	Nguyễn Thiên Phước	02/04/2019	Lá 3	Nam	Kinh	Con	Bon Phi Mur- Quảng Khê	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Văn Hào	Nguyễn Thị Khuyên	160.000	4	640.000	
11	K' Nghiêm Niê	21/11/2019	Lá 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đơm- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	Y Năm Niê	H Bạc	160.000	4	640.000	
12	Bế K Nghĩa	08/04/2019	Lá 4	Nam	Tày	Cháu	Thôn 4- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Bế Văn Dũng	H' Vân	160.000	4	640.000	
13	Đoàn Minh Đạt	25/10/2019	Lá 4	Nam	Kinh	Con	Thôn 5- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Đoàn Chung Thuỷ	Trần Thị Ngọc Hạnh	160.000	4	640.000	
14	K' Linh	24/09/2019	Lá 4	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Siêng	H' Ngoan	160.000	4	640.000	

15	H' Hiềng	09/05/2019	Lá 4	Nữ	M' Nông	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ nghèo	Y Minh	H' Ngel	160.000	4	640.000	
16	Hạng Thị Thảo Chi	07/02/2019	Lá 4	Nữ	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	160.000	4	640.000	
17	K' Toại	28/04/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Minh	H Nir	160.000	4	640.000	
18	K' Nghiêm	26/05/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ nghèo		H' Loan	160.000	4	640.000	
IV	**Chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông**												**4.600.000**	
1	K' Viện	13/01/2020	Chồi 2	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đơm- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Ndai	H' Hang	150.000	4	600.000	
2	Hạng A Quốc Cường	18/03/2021	Chồi 4	Nam	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	150.000	4	600.000	
3	Phan Thị Thanh Trúc	03/03/2020	Chồi 4	Nữ	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	Phan Văn Tuấn Anh	Lưu Thị Thơ	150.000	4	600.000	
4	K' Nghiêm Niê	21/11/2019	Lá 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đơm- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	Y Năm Niê	H Bạc	150.000	4	600.000	
5	K' Linh	24/09/2019	Lá 4	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Siêng	H' Ngoan	150.000	4	600.000	
6	Hạng Thị Thảo Chi	07/02/2019	Lá 4	Nữ	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	150.000	4	600.000	
7	K' Toại	28/04/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Minh	H Nir	150.000	4	600.000	
8	K' Bảo Phước	06/10/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Xã Đăk Nia	Hộ thoát nghèo	K' Bin	H' Brang	100.000	4	400.000	
	Tổng cộng												**23.440.000**	

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **Hai mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng**